CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Viglacera Đông Triều

Ngày 31/03/2025	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.8%	**0%**	**2.2%**

DT thuần
Q1/25
25.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.2| -35.9%
YoY: ▼7.50| -22.8%

LN thuần
Q1/25
-5.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.18| -24.7%
YoY: ▲ 4.24| 41.6%

LN sau thuế
Q1/25
-5.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.13| 15.8%
YoY: ▲ 3.99| 40.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-12.6%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE (TTM)
Q1/25
-138%
YoY: +/-▼ 22.2%

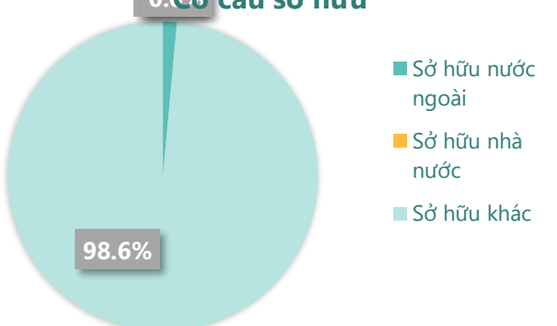
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,470
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	
EPS	-3,297
P/E	-1.4

DT thuần
2024
142
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.0| -22.0%

LN thuần
2024
-32.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.70| 21.2%

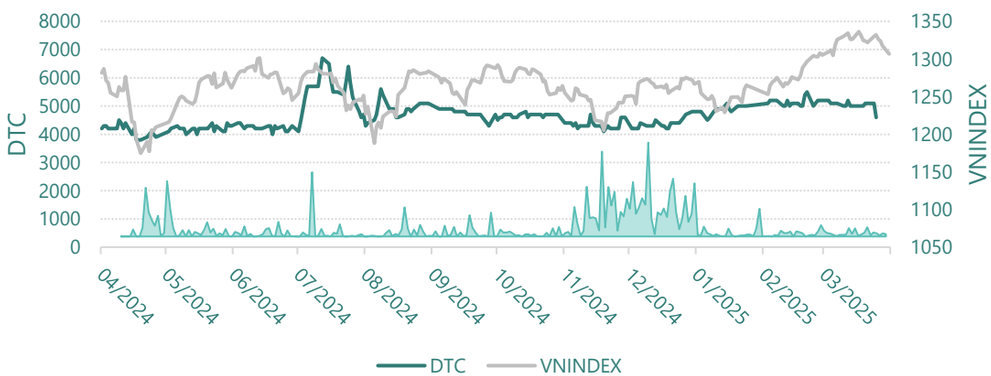
LN sau thuế
2024
-37.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.60| 15.2%

Cơ cấu sở hữu

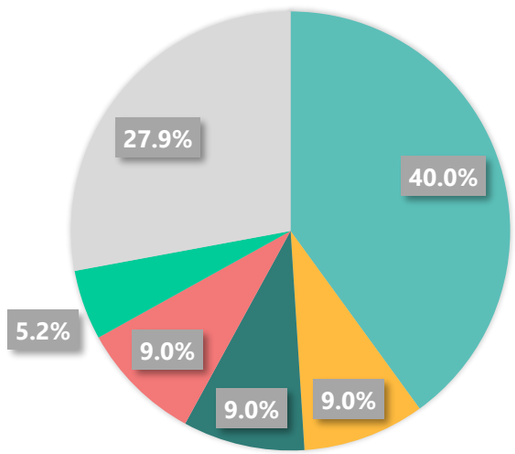


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



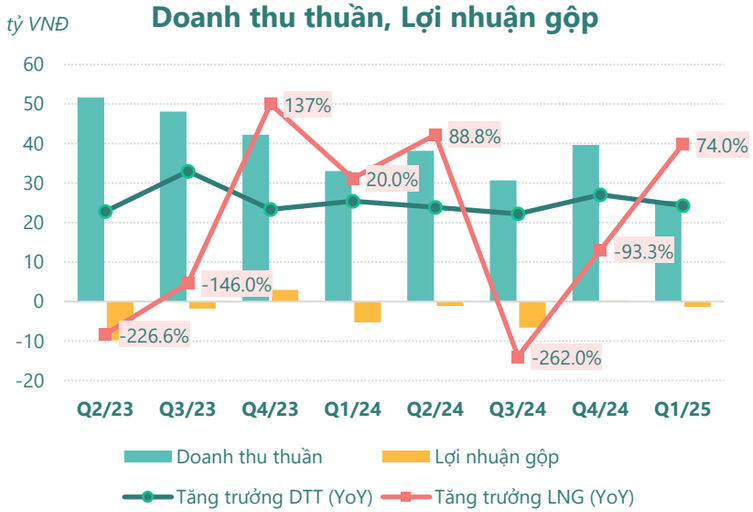
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

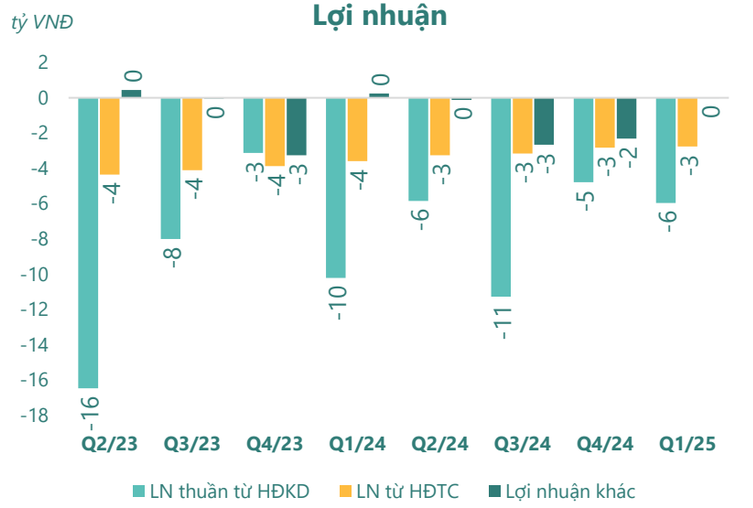
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



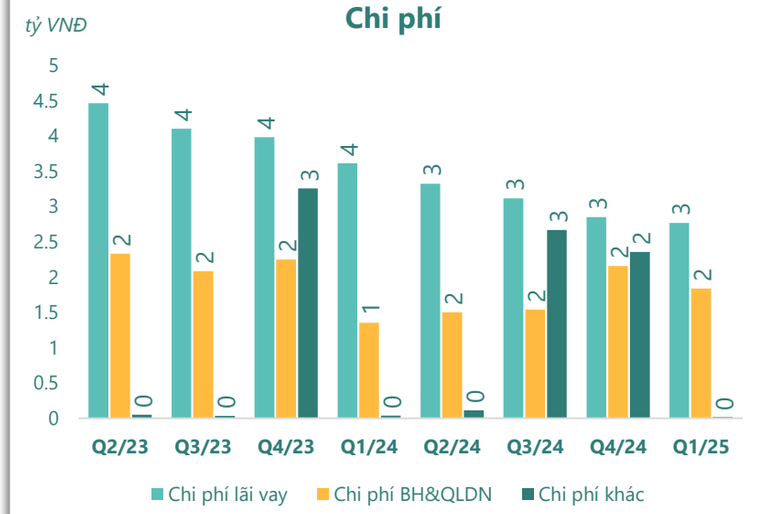
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



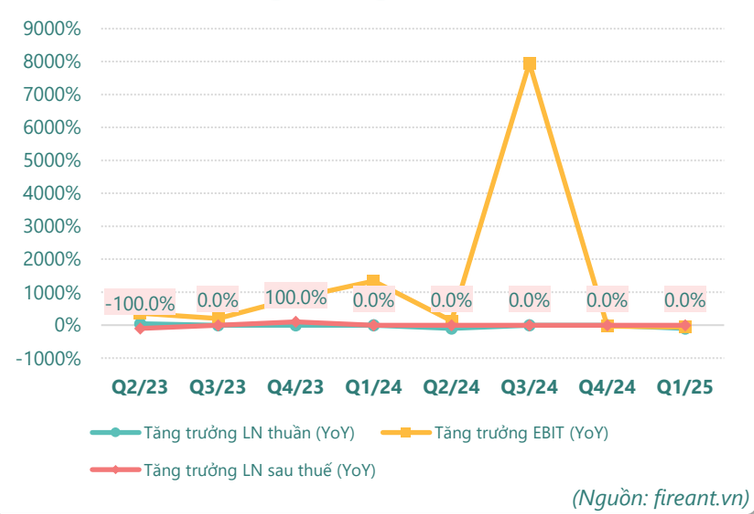
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



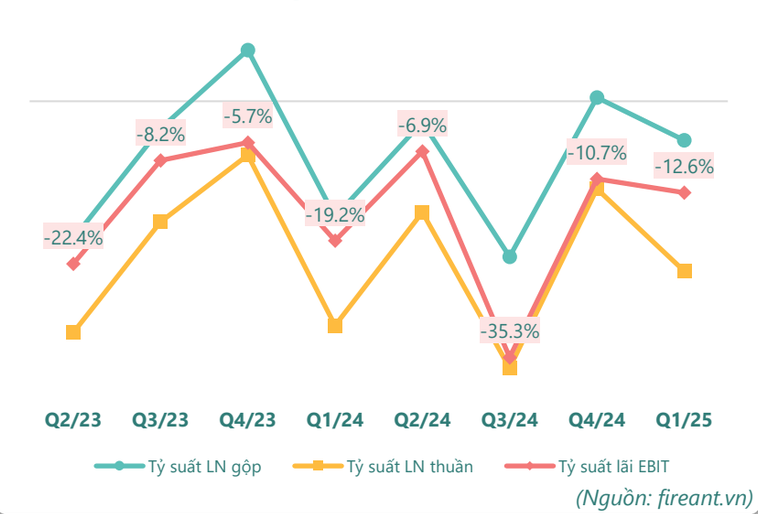
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



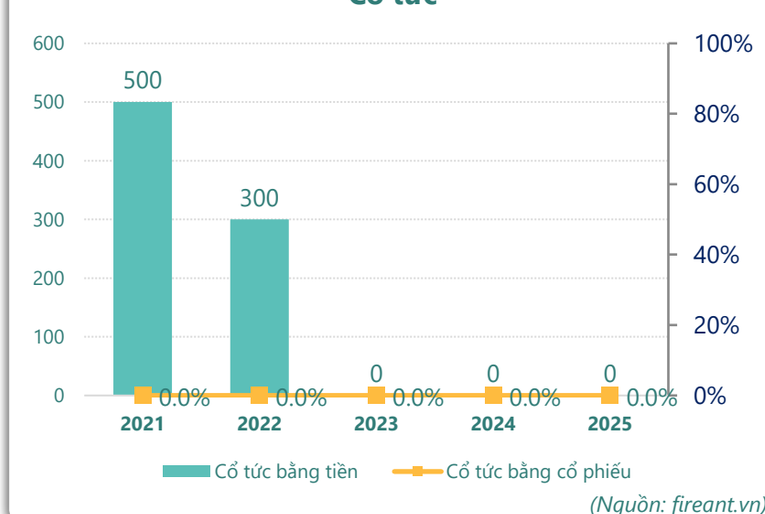
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

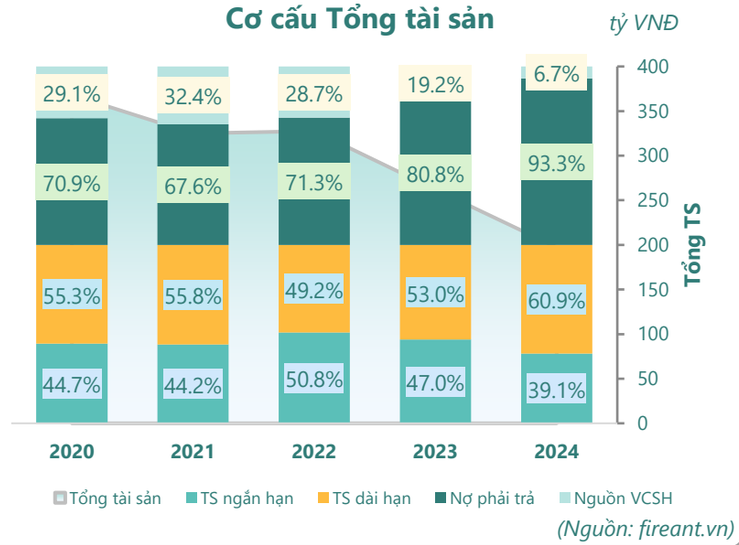
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

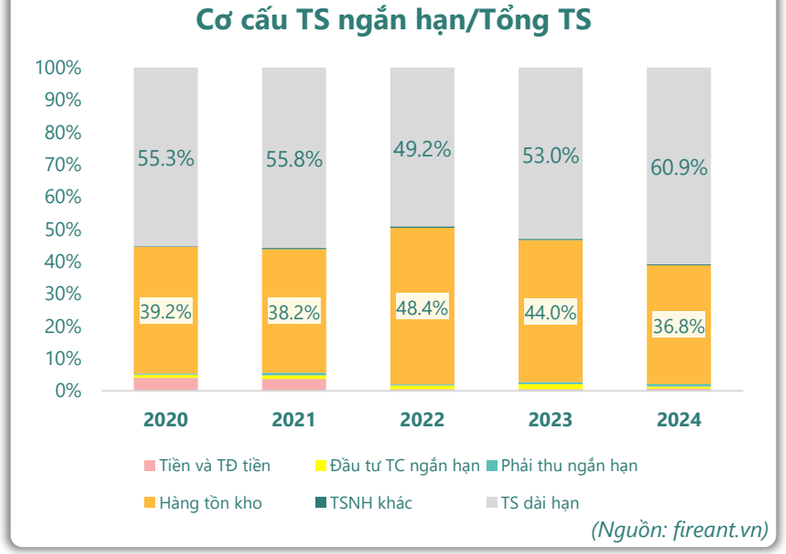
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



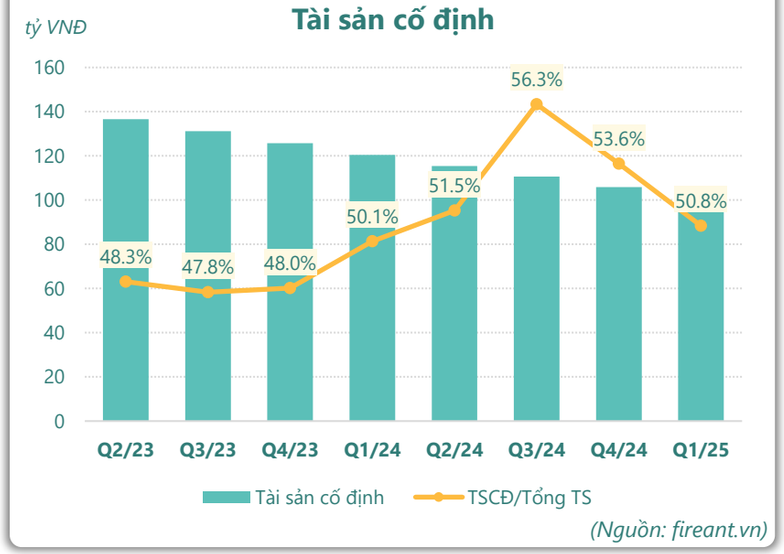
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



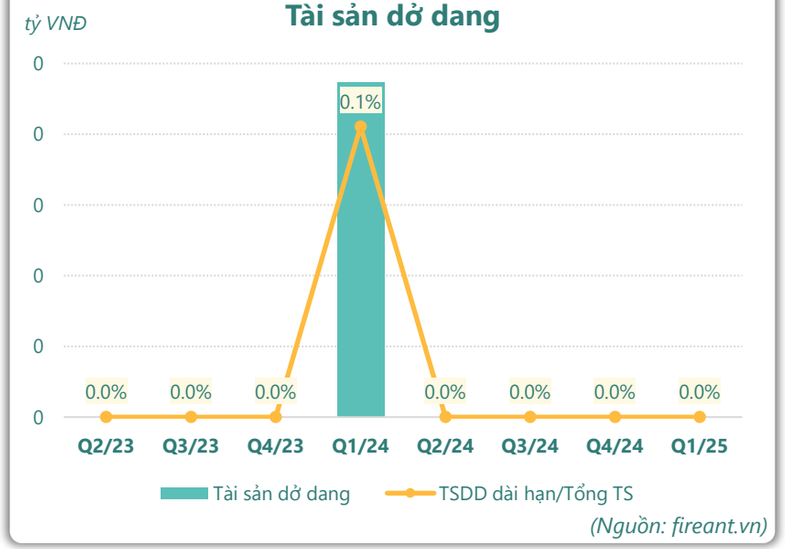
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



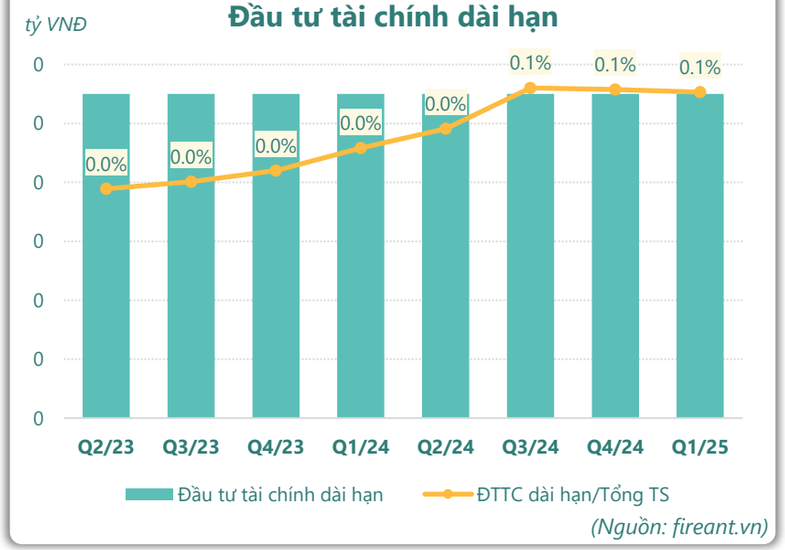
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



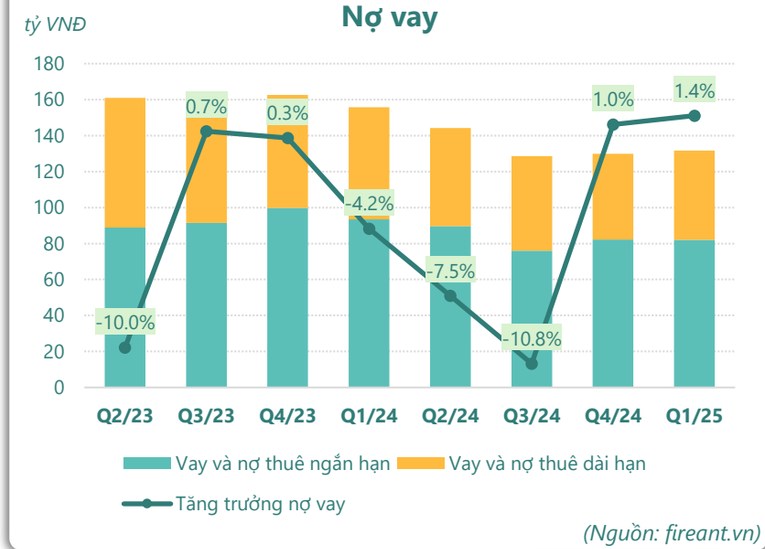
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

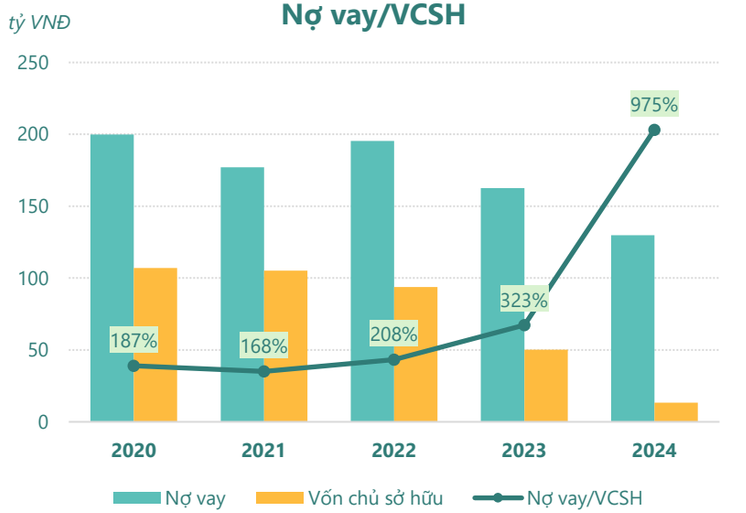
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

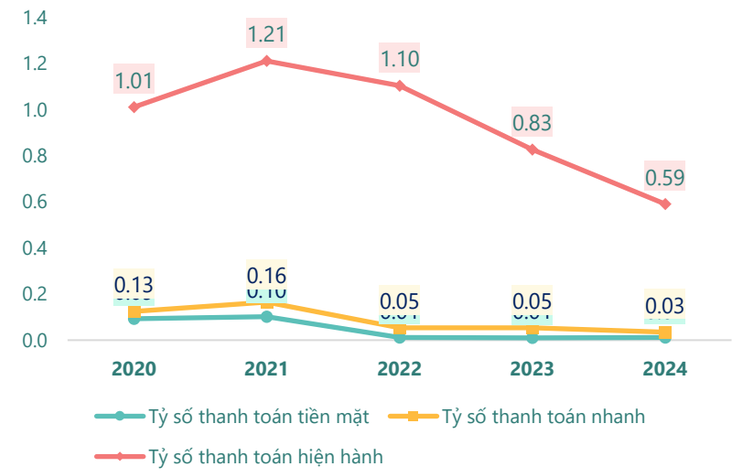
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



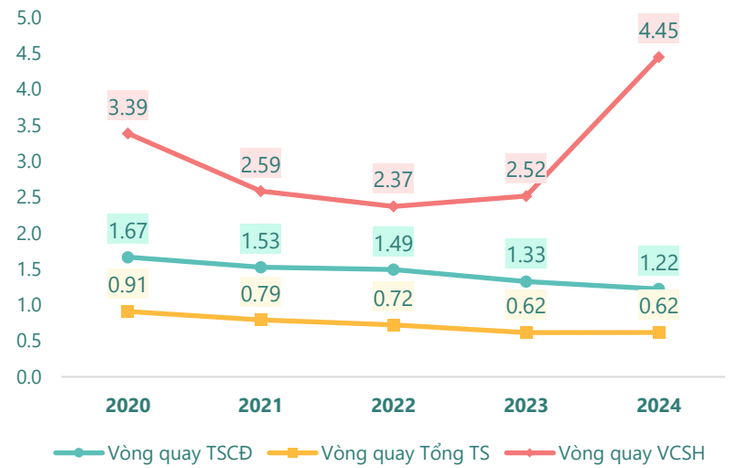
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



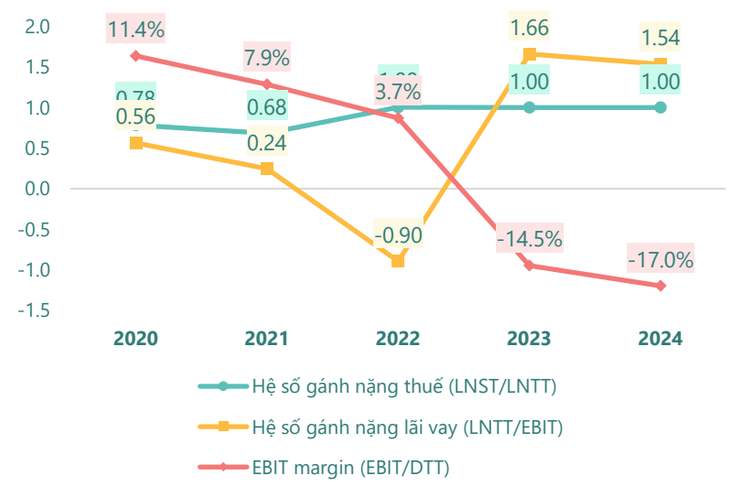
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



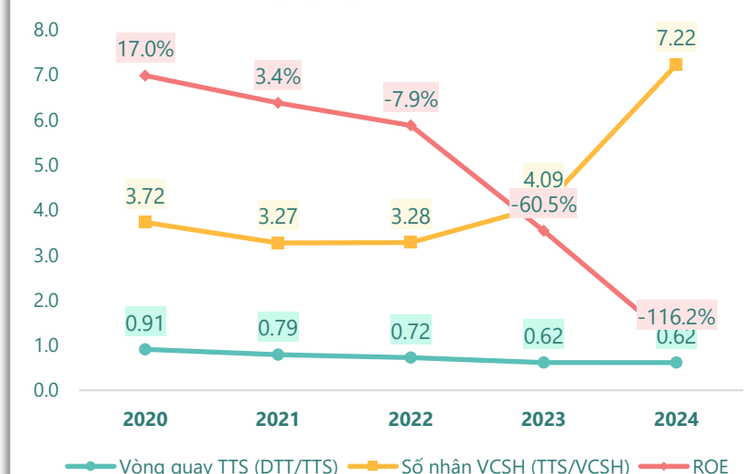
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



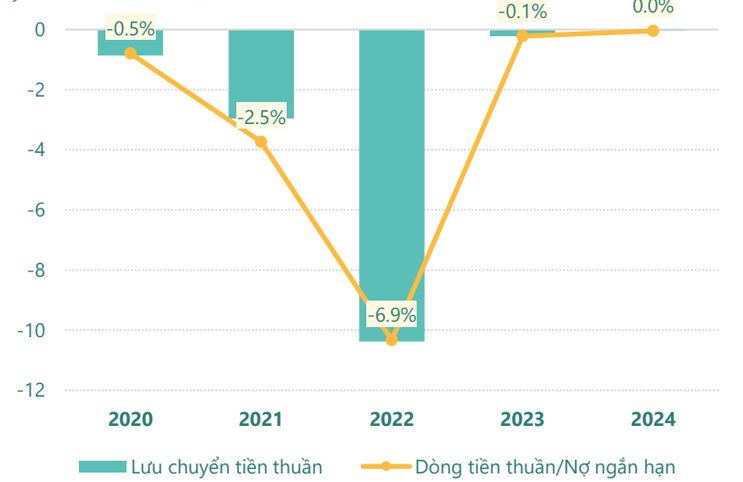
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.5**	**33.0**	**-22.8%**	**142**	**181**	**-22.0%**
Giá vốn hàng bán	26.8	38.3	-30.0%	154	197	-21.5%
Lợi nhuận gộp	-1.37	-5.26	74.0%	-12.7	-15.2	16.2%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	-46.7%	0.08	0.24	-68.8%
Chi phí TC	2.77	3.61	-23.4%	12.9	17.4	-25.6%
Chi phí lãi vay	2.77	3.61	-23.4%	12.9	17.4	-25.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.05	0.03	61.1%	0.19	0.39	-52.0%
Chi phí QLDN	**1.79**	**1.32**	**35.6%**	**6.36**	**8.07**	**-21.1%**
LN thuần từ HĐKD	-5.96	-10.2	41.6%	-32.1	-40.8	21.2%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**0.24**	**-106%**	**-4.86**	**-2.85**	**-70.2%**
LN trước thuế	-5.97	-9.96	40.0%	-37.0	-43.6	15.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.97**	**-9.96**	**40.0%**	**-37.0**	**-43.6**	**15.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.97**	**-9.96**	**40.0%**	**-37.0**	**-43.6**	**15.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.05	14.3	11.4	5.47	-32.5	-2.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	2.77	-2.74	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.52	-6.75	-11.6	-15.6	35.3	1.86
Tiền đầu kỳ	8.02	1.49	9.08	8.83	1.46	1.45
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.53**	**7.59**	**-0.26**	**-7.37**	**0.03**	**-0.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.49	9.08	8.83	1.46	1.49	0.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**199**	**197**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	83.4	77.1	8.1%
Tiền và tương đương tiền	0.68	1.45	-53.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.32	1.27	4.2%
Phải thu ngắn hạn	1.68	1.40	20.0%
Hàng tồn kho	79.2	72.6	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.45	0.42	7.9%
Tài sản dài hạn	**116**	**120**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	3.16	3.08	2.5%
Tài sản cố định	101	106	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.2**	**11.2**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	192	184	4.2%
Nợ ngắn hạn	**136**	**131**	**4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.1	82.2	-0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	17.6	21.8%
Nợ dài hạn	55.4	53.4	3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.7	47.7	4.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7.34**	**13.3**	**-44.9%**
Vốn chủ sở hữu	**7.34**	**13.3**	**-44.9%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)